

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/DS-PT

Ngày: 08 - 6 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 921, ấp 1, xã ĐT, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1989 (Theo giấy ủy quyền ngày 13/9/2019); (có mặt)

Địa chỉ: Số 196/17, tổ 12, ấp 1, xã TA, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962;

Người đại diện hợp pháp: Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987 (Theo giấy ủy quyền ngày 05/11/2019); (có mặt)

2. Anh Trần Hữu H, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, đường THĐ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Cùng tạm trú: Số 333A, đường AB, Khu phố 3, Phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 270/1, ấp MA, xã MP, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Anh Đoàn Văn T1, sinh năm 1971 (Theo giấy ủy quyền ngày 13/9/2019); (có mặt)

Địa chỉ: Số 147/5, đường ĐTN, Khu phố X, phường Y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T2 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Thận - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; (có mặt)

Địa chỉ: Số 61/20, đường ĐĐ, Phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Trần Công D, sinh năm 1958;

Người đại diện hợp pháp: Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987 (Theo giấy ủy quyền ngày 05/11/2019); (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, đường THĐ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Số 333A, đường AB, khu phố W, Phường II, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị Tuyết M1, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CĐT, xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An.

2. Bà Mai Thị Tuyết H2, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12/9, ấp TB, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: Ấp MT, xã MP, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Ngô Văn B, sinh năm 1948; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 262, đường NMD, ấp 1, xã ĐT, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn nguyên đơn bà Phạm Thị T là chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:*

Do là chị em bạn dâu nên ngày 20/8/2017 âm lịch, bà Nguyễn Thị P có nhờ bà T vay giùm bà P số tiền 200.000.000 đồng của bà Phạm Thị Tuyết M1, lãi suất 2%/tháng để trang trải cuộc sống và cho con trai là Trần Hữu H ăn học. Bà P hứa sẽ đóng lãi đầy đủ cho bà M1. Sau đó, bà P không thực hiện việc đóng lãi, bà T phải đóng tiền lãi thay bà P mỗi tháng 4.000.000 đồng cho bà M1 từ

20/8/2017 âm lịch đến ngày 25/01/2019 là 70.000.000 đồng. Đến 20/12/2018 âm lịch, bà T trả 200.000.000 đồng cho bà M1. Bà P có viết biên nhận ngày 20/12/2018 âm lịch (tức 25/01/2019 dương lịch) cho bà T, không có ghi thời hạn trả chỉ thỏa thuận miệng là sau 01 tháng sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất. Đến thời hạn trả là ngày 25/02/2019, bà T đến nhà đòi tiền nhưng bà P, anh H không trả nợ. Ngày 09/9/2019, bà T phát hiện bà P bán nhà cố tình tẩu tán tài sản nên tiếp tục đến đòi số tiền trên nhưng bà P chỉ trả cho bà T 20.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà P và anh H liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 26/02/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng là 262.450.000 đồng (tạm tính đến ngày 13/9/2019), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố M ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT nội dung là “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 579, tờ bản đồ số 46, diện tích 40,3m² loại đất trồng cây lâu năm đã chuyển sang đất ở ngày 28/8/2019 tại ấp MT, xã MP, thành phố M, Tiền Giang theo giấy chứng nhận số CS10507 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị P ngày 14/11/2016” theo đơn yêu cầu ngày 16/9/2019 của bà Phạm Thị T. Chị S vẫn yêu cầu giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2019 để đảm bảo thi hành án. Hiện bà P, anh H không còn tài sản nào khác.

** Bị đơn là bà P trình bày:*

Bà thừa nhận ngày 20/12/2018, có viết giấy mượn của bà T 200.000.000 đồng, biên nhận không có ghi cũng không thỏa thuận miệng lãi suất và thời hạn trả. Khoản nợ này là nợ riêng của bà. Bà có viết “tổng cộng tiền lãi đến 30 tết 70.000.000”, bà xác định đến 30 tết là đến ngày 11/02/2021 với lãi suất là 16,3%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà yêu cầu Tòa án đình chỉ vụ án và hủy biện pháp ngăn chặn do chưa đến ngày trả nợ nên chưa gây thiệt hại cho nguyên đơn.

** Bị đơn anh Trần Hữu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 trình bày:*

Bà không có liên quan đến việc vay tiền giữa bà T và bà P nên bà không ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc vay tiền này. Bà yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2019 do bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị P và ông Trần Công D là hợp pháp và trước khi bà T nộp đơn khởi kiện bà P. Hiện bà P, anh H có còn tài sản nào khác không thì bà không biết.

Ngày 13/11/2019, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2019 giữa bà, bà P và ông D là hợp pháp; giữ nguyên hiện trạng căn nhà gắn liền với phần đất 40,3m² tại ấp MT, xã MP, thành phố M, Tiền Giang cho gia đình bà tiếp tục quản lý, sử dụng

và định đoạt. Bà tự nguyện trả cho bà P, ông D số tiền còn lại là 10.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công D đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Người làm chứng bà Phạm Thị Tuyết M1 trình bày:*

Ngày 20/8/2017 âm lịch, bà T có vay của bà số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, có viết biên nhận. Bà có biết bà T vay giùm người khác nhưng không biết vay giùm ai. Bà T đóng lãi cho bà đầy đủ mỗi tháng 4.000.000 đồng, tổng cộng 17 tháng 15 ngày là 70.000.000 đồng. Đến ngày 20/12/2018 âm lịch (tức ngày 25/01/2019), bà T trả đủ cho bà 200.000.000 đồng, hai bên hủy biên nhận.

** Người làm chứng bà Mai Thị Tuyết Hồng trình bày:*

Bà là hàng xóm gần nhà bà Nguyễn Thị P tại ấp MT, xã MP, bà P ở từ khi nào thì bà không rõ nhưng bà P đã bán nhà đi từ khoảng tháng 07 năm 2019. Bà T có đến nhà bà P nhiều lần. Khoảng tháng 07/2019, bà T có đến nhà bà P ở ấp MT, xã MP đòi tiền thì hai bên xảy ra cãi nhau lớn tiếng nên bà T tức giận và mệt. Bà P và các con đóng cửa lại không tiếp bà T nên bà có mời bà T vào nhà bà nghỉ mệt. Sau đó ông Ngô Văn B có đến để khuyên can hai bên, nên bà T ra về. Bà xin được vắng mặt trong các buổi xét xử vụ án này do bà bận việc gia đình.

** Người làm chứng ông Ngô Văn B trình bày:*

Ông là họ hàng trong gia đình bà T, bà P. Bà P bán căn nhà tại số A, đường THĐ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào khoảng năm 2015, nhưng thuê lại của người mua để ở đến khoảng năm 2017 thì dọn về phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ở khoảng một năm. Sau đó ở tại ấp MA, xã MP, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đến khoảng tháng 7/2019 thì bán nhà đi nơi khác. Bà T có đòi tiền bà P nhiều lần, do ông là anh lớn trong gia đình nên ông hay đứng ra giải quyết tranh chấp của hai bên. Đến khoảng tháng 7/2019, bà T có đến nhà bà P ở ấp MA, xã MP, thành phố M để đòi tiền tiếp, nhưng hai bên xảy ra cãi vã lớn tiếng, hàng xóm gọi ông đến can ngăn thì bà T ra về. Sau đó, bà P có hứa bán nhà được sẽ trả tiền cho bà T, nhưng chỉ trả được 20.000.000 đồng. Ông xin được vắng mặt trong các buổi xét xử vụ án này.

** Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đòi với số tiền 70.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị P và anh Trần Hữu H liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 (lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/02/2019 đến ngày 29/11/2019 là 09 tháng 04 ngày) đồng, tổng cộng là 193.645.200 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị P là chị Trần Thị Hồng L trình bày:

Bà P không có mượn tiền của bà M1 mà là mượn của bà T làm nhiều lần số tiền khoảng 140.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, từ 20/8/2017 đến 20/12/2018. Biên nhận bà P ghi ngày 20/12/2018 dương lịch nhưng biên nhận này được viết cách đây khoảng 6 tháng do bà P không có khả năng trả lãi cho bà T nữa, số tiền 200.000.000 đồng gồm khoảng 140.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi từ 20/8/2017 đến 11/02/2021 mà bà P còn nợ bà T, nhưng bà P không có chứng cứ chứng minh. Bà T hàng tháng có đến đòi tiền lãi, không đòi tiền vốn mà nói khi nào có tiền thì trả. Ngày 09/9/2019, bà P bán nhà và trả được cho bà T 20.000.000 đồng tiền vốn do còn nợ rất nhiều người. Nay bà P đồng ý trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 đồng (với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/02/2019 đến ngày 29/11/2019 là 09 tháng 04 ngày), tổng cộng là 193.645.200 đồng nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công D là chị Trần Thị Hồng L trình bày: Ông D không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án này.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 là anh Đoàn Văn T1 trình bày: Anh có ý kiến là đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2019 hoặc thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời khác. Anh rút lại đơn khởi kiện ngày 13/11/2019.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 201; khoản 2 điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với số tiền 70.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với yêu cầu anh Trần Hữu H liên đới với bà Nguyễn Thị P trả cho bà Phạm Thị T số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 đồng, tổng cộng là 193.645.200 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 đồng, tổng cộng là 193.645.200 (một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 9.682.260 đồng (chín triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Bà Phạm Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.562.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000412 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 02 tháng 12 năm 2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M.

* Ngày 03 tháng 12 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của bà P rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đồng ý trả tiền nợ cho bà T. Đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Bà P thừa nhận còn nợ và đồng ý trả nợ cho bà T. Bà P rút lại yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà H1 kháng cáo yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M. Theo Nghị quyết 02/2005/NQ-HĐTP ngày 27/4/2005 của Tòa án nhân dân tối cao thì Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị và đương sự không có quyền kháng cáo. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P và anh Trần Hữu H liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 đồng (lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/02/2019 đến ngày 29/11/2019 là 09 tháng 04 ngày), tổng cộng là 193.645.200 đồng. Bà P đồng ý trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 đồng tổng cộng là 193.645.200 đồng, nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Án sơ thẩm nhận định buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà T 193.645.200 đồng, không buộc anh Trần Hữu D có nghĩa vụ liên đới. Sau khi xét xử, bà T không kháng cáo.

[1.2] Bà P kháng cáo cho rằng, án sơ thẩm xác định vay không kỳ hạn và có lãi là không chính xác, trước khi khởi kiện phải báo cho bên vay một khoản thời gian nhất định theo Điều 469 Bộ luật Dân sự. Bà T chưa báo nhưng khởi kiện Tòa thụ lý giải quyết là không chính xác. Tại phiên tòa hôm nay, chị L đại diện ủy quyền của bà P rút lại yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả số nợ 193.645.200 đồng cho bà T. Xét việc chị L rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này của bà P.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H1 yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bà H1 với bà P thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2019, nhưng đến ngày 16/9/2019 bà T mới khởi kiện, hiện nay quyền sử dụng đất chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho bà H1. Hội đồng xét xử xét thấy việc buộc bà P có nghĩa vụ trả số tiền số tiền 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 đồng, tổng cộng là 193.645.200 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Bà P không có chứng cứ nào khác chứng minh bà P có đủ khả năng trả nợ cho bà T mà không phụ thuộc quyền sử dụng đất bị phong tỏa. Mặt khác, thủ tục khiếu nại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo Điều 140, 141 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P đã khiếu nại và được Chánh án Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết khiếu nại là quyết định cuối cùng và đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bà H1.

[3] Xét thấy, cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2019 trong phần quyết định của bản án là không cần thiết. Vì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là một thủ tục tố tụng riêng biệt theo Bộ luật Tố tụng dân sự, không cần đưa vào quyết định của bản án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1. Chấp nhận rút yêu cầu kháng cáo của bà P, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà P. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà P, bà H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 201; khoản 2 điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H1.

Chấp nhận rút yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

Sửa bản án sơ thẩm số: 137/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Phân tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà P.
2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với số tiền 70.000.000 đồng.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 13.645.200 đồng, tổng cộng là 193.645.200 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với yêu cầu anh Trần Hữu H liên đới với bà Nguyễn Thị P trả cho bà Phạm Thị T số tiền trên.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 9.682.260 đồng (Chín triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Bà Phạm Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.562.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000412 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0000660 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà Võ Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0000609 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP. M;
- Chi cục THADS TP. M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn